

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Chính	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)/ Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Ông Trần Hữu Giang	Ủy viên
Ông Nguyễn Long	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Bà Phạm Thủy Nga	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Ông Đinh Việt Thanh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Phương Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Huyền	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)/ Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Thanh Cường	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Bà Vũ Thị Châm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Bà Lê Trương Thị Ánh Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Hữu Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Bùi Minh Chính	Giám đốc
Ông Trần Hữu Giang	Phó Giám đốc
Ông Ngô Phan Hòa Bình	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Minh Chính
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Số: 772 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2018, từ trang 4 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đã ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh trong năm 2016, trong khi cơ sở để ghi nhận nghiệp vụ là chưa phù hợp theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ về vấn đề này trên báo cáo kiểm toán của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, nghiệp vụ thoái vốn nêu trên đã hoàn tất. Nếu Công ty ghi nhận đúng kỳ nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, thì khoản mục "Lỗ lũy kế" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng 50.862.981.700 đồng, đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" sẽ tăng tương ứng là 50.862.981.700 đồng và chỉ tiêu "Lỗ trước thuế" sẽ giảm một số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản phải thu khác bao gồm một số khoản phải thu tiền phạt do chậm tiến độ từ các bên thi công công trình theo các điều khoản của hợp đồng và phạt chậm thanh toán với số tiền là 64.222.327.114 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 64.222.327.114 đồng) vẫn chưa được các bên xác nhận đến ngày lập báo cáo này. Vấn đề này đã được chúng tôi đưa ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các năm trước của chúng tôi. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về các số liệu trên cũng như ảnh hưởng của các số liệu trên đến khoản mục "Lỗi lũy kế" trên Bảng cân đối kế toán riêng. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Trong năm 2012, Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ phải thu đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC-SG") và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền 18.927.755.598 đồng nhưng chưa có xác nhận của PVC-SG. Chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến vấn đề này trong các báo cáo kiểm toán các năm sau đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty vẫn chưa có xác nhận của PVC-SG đối với việc bù trừ công nợ này. Theo đó, ý kiến kiểm toán ngoại trừ cho vấn đề này vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 12 Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm 15.166.716.311 đồng là các chi phí phát triển dự án phát sinh trong thời gian thực hiện dự án khu Đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu đặt tại Phường 10 và Phường 11, Thành phố Vũng Tàu. Do dự án kéo dài và chậm triển khai theo kế hoạch đã đề ra nên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã thu hồi chủ trương đầu tư dự án. Theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chi phí này không có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai và phải ghi nhận vào chi phí trong năm. Nếu Công ty ghi nhận chi phí này vào chi phí trong năm 2017 thì chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm với số tiền là 15.166.716.311 đồng, đồng thời, chỉ tiêu "Lỗi trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng một số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Minh Thao
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1902-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 10 tháng 4 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3026-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		619.089.816.710	699.062.302.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	83.665.785.096	17.006.337.272
1. Tiền	111		63.630.129.633	9.006.337.272
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.035.655.463	8.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		464.469.508.257	622.601.984.626
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	145.794.833.352	479.548.652.044
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.182.661.708	21.913.595.937
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	285.492.013.197	121.139.736.645
III. Hàng tồn kho	140		62.255.500.193	52.124.132.508
1. Hàng tồn kho	141	7	62.255.500.193	52.124.132.508
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.699.023.164	7.329.847.992
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	-	171.883.847
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.373.872.953	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	7.325.150.211	7.157.964.145
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		657.855.484.600	769.860.424.176
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		87.633.366.479	103.650.357.012
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	85.858.228.479	101.875.219.012
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	1.775.138.000	1.775.138.000
II. Tài sản cố định	220		117.724.776.183	78.230.009.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	102.281.711.303	62.935.633.946
- Nguyên giá	222		120.157.108.175	78.323.780.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.875.396.872)	(15.388.146.060)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	15.443.064.880	15.294.375.121
- Nguyên giá	228		17.657.072.782	17.134.685.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.214.007.902)	(1.840.310.022)
III. Bất động sản đầu tư	230	11	40.556.786.406	40.984.792.898
- Nguyên giá	231		42.308.740.556	41.755.336.609
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.751.954.150)	(770.543.711)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.166.716.311	156.235.275.606
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	15.166.716.311	156.235.275.606
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	393.712.520.000	386.318.312.164
1. Đầu tư vào công ty con	251		357.712.520.000	357.712.520.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.000.000.000	36.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(7.394.207.836)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.061.319.221	4.441.677.429
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3.061.319.221	4.441.677.429
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.276.945.301.310	1.468.922.726.574

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		465.050.350.186	618.920.375.964
I. Nợ ngắn hạn	310		434.594.444.536	482.500.455.359
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	45.288.186.970	25.552.373.068
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		568.319.989	1.091.271.578
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	-	769.942.536
4. Phải trả người lao động	314		-	1.786.389.241
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	161.662.056.677	126.945.270.983
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		570.974.644	382.221.820
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	226.504.906.256	144.404.080.609
8. Vay ngắn hạn	320	19	-	181.568.905.524
II. Nợ dài hạn	330		30.455.905.650	136.419.920.605
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	59.497.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	19.605.905.323	13.948.036.714
3. Phải trả dài hạn khác	337	17	10.850.000.327	19.630.034.992
4. Vay dài hạn	338	19	-	43.344.848.899
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		811.894.951.124	850.002.350.610
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	811.894.951.124	850.002.350.610
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.458.924.626	23.458.924.626
4. Lỗ lũy kế	421		(203.697.487.582)	(165.590.088.096)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(165.590.088.096)	(168.455.362.231)
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(38.107.399.486)	2.865.274.135
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.276.945.301.310	1.468.922.726.574



Đinh Thị Mỹ Linh
Người lập biểu/Quyền Kế toán trưởng



Bùi Minh Chính
Giám đốc
Ngày 10 tháng 4 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		124.257.016.180	75.492.657.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	29.592.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	124.257.016.180	45.900.657.053
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	115.796.819.920	35.042.741.002
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.460.196.260	10.857.916.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.033.213.409	54.617.775.404
7. Chi phí tài chính	22	25	19.809.617.004	26.182.066.326
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.584.318.113	30.604.952.754
8. Chi phí bán hàng	25	26	7.113.733.100	8.850.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	24.404.109.704	30.359.721.553
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(40.834.050.139)	83.903.576
11. Thu nhập khác	31		2.973.842.568	17.058.250.356
12. Chi phí khác	32		247.191.915	14.276.879.797
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	2.726.650.653	2.781.370.559
14. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(38.107.399.486)	2.865.274.135
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		(38.107.399.486)	2.865.274.135


Đinh Thị Mỹ Linh
Người lập biểu/Quyền Kế toán trưởng




Bùi Minh Chính
Giám đốc
Ngày 10 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(38.107.399.486)	2.865.274.135
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.842.359.131	3.598.282.046
Các khoản dự phòng	03	(7.394.207.836)	(6.611.079.029)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	16.586.293.318	(54.617.775.404)
Chi phí lãi vay	06	8.584.318.113	30.604.952.754
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.488.636.760)	(24.160.345.498)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(233.269.845.902)	17.359.130.496
Thay đổi hàng tồn kho	10	91.127.098.075	9.669.634.603
Thay đổi các khoản phải trả	11	82.617.132.553	(18.209.523.248)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.552.242.055	4.244.640.303
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.230.148.241)	(12.063.561.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(97.692.158.220)	(23.160.024.779)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(72.898.182)
2. Tiền thu nhượng bán tài sản cố định	22	-	18.802.646.060
3. Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25	(48.995.520.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	437.924.009.773	56.365.830.000
5. Thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	27	363.470.694	3.822.305.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	389.291.960.467	78.917.883.806
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(224.913.754.423)	(37.463.688.571)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(26.600.000)	(26.239.464.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(224.940.354.423)	(63.703.153.351)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	66.659.447.824	(7.945.294.324)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.006.337.272	24.951.631.596
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	83.665.785.096	17.006.337.272



Đinh Thị Mỹ Linh
Người lập biểu/Quyền Kế toán trưởng



Bùi Minh Chính
Giám đốc
Ngày 10 tháng 4 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008269 ngày 29 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là "PTL".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 53 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 90 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty cùng với tình hình góp vốn điều lệ vào các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày ở Thuyết minh số 13.

Nghị quyết số 650/NQ-PETROLAND của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 01 tháng 11 năm 2016 phê duyệt chủ trương thoái 100% vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, việc chuyển nhượng đã hoàn tất theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 267/HĐCN.PETROLAND-DXG với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh ("Đất Xanh").

Hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản và dưới 12 tháng đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty; vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện chi phí xây dựng dở dang của các dự án và hàng hóa bất động sản được xây dựng với mục đích để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong năm 2017, Ban Giám đốc đã quyết định thay đổi thời gian trích khấu hao nhà cửa và vật kiến trúc từ 25 năm lên 47 năm. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh phù hợp hơn thời gian sử dụng của tòa nhà Phú Mỹ Hưng. Công ty đã tính toán lại khấu hao theo thời gian hữu dụng mới kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Ảnh hưởng của thay đổi thời gian khấu hao được trình bày ở Thuyết minh số 9.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm trước</u> (Số năm)	<u>Năm nay</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25	6 - 47
Phương tiện vận tải	4 - 8	4 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5	3 - 5
Tài sản cố định khác	4	4

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Trong năm 2017, Ban Giám đốc quyết định thay đổi thời gian trích khấu hao của quyền sử dụng đất từ 45 năm lên 47 năm căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty đã tính toán lại khấu hao theo thời gian hữu dụng mới kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Ảnh hưởng của thay đổi thời gian khấu hao được trình bày ở Thuyết minh số 10.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong năm 2017, Ban Giám đốc quyết định thay đổi thời gian trích khấu hao của quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc lần lượt từ 45 năm và 25 năm lên 47 năm. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ phản ánh phù hợp hơn thời gian sử dụng của tòa nhà Phú Mỹ Hưng. Công ty đã tính toán lại khấu hao theo thời gian hữu dụng mới kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Ảnh hưởng của thay đổi thời gian khấu hao được trình bày ở Thuyết minh số 11.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính riêng.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các niên độ tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận theo số tiền thực góp theo thỏa thuận của hợp đồng.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 13 tháng đến 60 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	118.281.584	187.832.262
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.511.848.049	8.818.505.010
Các khoản tương đương tiền (i)	20.035.655.463	8.000.000.000
	83.665.785.096	17.006.337.272

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng tại ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất là 4,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4,3%/năm).

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Dự án chung cư Petroland Quận 2	9.071.679.536	35.904.320.962
Dự án Trung tâm Thương mại ("TTTM") Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	32.255.490.206	29.566.759.259
Dự án chung cư Mỹ Phú Quận 7	10.896.610.190	5.606.799.195
Đất Xanh (i)	46.726.595.200	393.997.151.700
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim	26.123.034.781	-
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	18.800.510.000	-
Khác	1.920.913.439	14.473.620.928
	<u>145.794.833.352</u>	<u>479.548.652.044</u>
b. Dài hạn		
Dự án chung cư Petroland Quận 2	3.468.713.572	749.190.000
Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	82.389.514.907	101.126.029.012
	<u>85.858.228.479</u>	<u>101.875.219.012</u>

(i) Phải thu Đất Xanh thể hiện số tiền còn phải thu Đất Xanh theo tiến độ thanh toán liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 267/HĐCN.PETROLAND-DXG ký ngày 01 tháng 11 năm 2016, Phụ lục 01 ký ngày 19 tháng 4 năm 2017 và Phụ lục 02 ký ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty và Đất Xanh về việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (gọi chung là "Hợp đồng chuyển nhượng Petroland Thăng Long") trong đó bao gồm số tiền chuyển nhượng của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh ("Vũ Anh"), cổ đông còn lại của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long ủy quyền cho Công ty thu hộ.

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Vũ Anh (i)	61.331.801.667	40.242.338.924
Phải thu tiền lãi phạt do chậm tiến độ, chậm thanh toán và thanh lý hợp đồng	64.388.199.194	79.154.832.897
- Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY	165.872.080	165.872.080
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí("PVC-Metal") (ii)	12.143.630.213	26.910.263.916
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ("PVC- PT") (iii)	8.045.471.465	8.045.471.465
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC-SG") (iii)	44.033.225.436	44.033.225.436
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (iv)	147.494.400.000	-
Hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú (bên liên quan)	2.000.000.000	-
Lãi dự thu	1.669.742.715	536.665.933
Phải thu ngắn hạn khác	8.607.869.621	1.205.898.891
	<u>285.492.013.197</u>	<u>121.139.736.645</u>
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	1.775.138.000	1.775.138.000
	<u>1.775.138.000</u>	<u>1.775.138.000</u>

(i) Phải thu Vũ Anh bao gồm các khoản phải thu lại Vũ Anh do Công ty đã chi hộ cho Vũ Anh cho hoạt động tư vấn, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bồi hoàn đất, lãi vay liên quan đến dự án đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

(ii) Phải thu từ PVC-Metal với số tiền 12.143.630.213 đồng là do phạt chậm tiến độ tại dự án chung cư Petroland Quận 2 được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

(iii) Khoản phải thu từ PVC-PT và PVC-SG với số tiền lần lượt là 8.045.471.465 đồng và 44.033.225.436 đồng là khoản lãi phạt do chậm thanh toán và chậm tiến độ được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng (chưa có quyết toán xác nhận).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

(iv) Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long thể hiện khoản vốn góp bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long của Công ty và Vũ Anh. Công ty sẽ thu lại khoản vốn góp bổ sung này và sẽ hoàn trả cho Vũ Anh sau khi trừ đi các khoản thanh toán bao gồm trong giá chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng Petroland Thăng Long.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	61.301.568	40.573.497
Công cụ, dụng cụ	81.311.000	25.246.960
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.540.641.121	3.977.689.239
Hàng hóa bất động sản	60.572.246.504	48.080.622.812
<i>Trong đó:</i>		
Dự án chung cư Petroland Quận 2	7.790.121.504	7.637.374.024
Dự án khu Đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu	52.782.125.000	-
Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	-	40.443.248.788
	62.255.500.193	52.124.132.508

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	-	171.883.847
	-	171.883.847
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.914.455.734	4.078.065.434
Khác	146.863.487	363.611.995
	3.061.319.221	4.441.677.429

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	74.086.356.847	850.378.446	2.795.451.213	591.593.500	78.323.780.006
Điều chỉnh theo quyết toán công trình	(1.086.287.778)	-	-	-	(1.086.287.778)
Phân loại từ hàng hóa bất động sản	40.646.680.947	-	-	-	40.646.680.947
Tăng khác	2.272.935.000	-	-	-	2.272.935.000
Số dư cuối năm	115.919.685.016	850.378.446	2.795.451.213	591.593.500	120.157.108.175
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	11.392.420.686	843.787.541	2.795.451.213	356.486.620	15.388.146.060
Khấu hao trong năm	2.469.634.125	6.590.905	-	11.025.782	2.487.250.812
Số dư cuối năm	13.862.054.811	850.378.446	2.795.451.213	367.512.402	17.875.396.872
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	62.693.936.161	6.590.905	-	235.106.880	62.935.633.946
Tại ngày cuối năm	102.057.630.205	-	-	224.081.098	102.281.711.303

Trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian trích khấu hao của nhà cửa và vật kiến trúc như trình bày tại Thuyết minh số 3. Nếu thời gian phân bổ trước đây được áp dụng, chi phí phân bổ khấu hao trong năm 2017 sẽ tăng thêm với số tiền là 1.991.163.598 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản là nhà xưởng và vật kiến trúc trong Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.951.429.659 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.857.884.204 đồng).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	16.754.965.143	379.720.000	17.134.685.143
Điều chỉnh theo quyết toán công trình	522.387.639	-	522.387.639
Số cuối năm	17.277.352.782	379.720.000	17.657.072.782
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.460.590.022	379.720.000	1.840.310.022
Khấu hao trong năm	373.697.880	-	373.697.880
Số dư cuối năm	1.834.287.902	379.720.000	2.214.007.902
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	15.294.375.121	-	15.294.375.121
Tại ngày cuối năm	15.443.064.880	-	15.443.064.880

Trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian trích khấu hao của quyền sử dụng đất như trình bày tại Thuyết minh số 3. Việc thay đổi này không ảnh hưởng đáng kể đến chi phí khấu hao trong năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty trong Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 379.720.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 379.720.000 đồng).

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	991.222.548	40.764.114.061	41.755.336.609
Phân loại lại	6.976.987.269	(6.976.987.269)	-
Điều chỉnh theo quyết toán công trình	-	(119.939.793)	(119.939.793)
Tăng khác	-	673.343.740	673.343.740
Số cuối năm	7.968.209.817	34.340.530.739	42.308.740.556
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	100.754.917	669.788.794	770.543.711
Khấu hao trong năm	188.262.488	793.147.951	981.410.439
Số dư cuối năm	289.017.405	1.462.936.745	1.751.954.150
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	890.467.631	40.094.325.267	40.984.792.898
Tại ngày cuối năm	7.679.192.412	32.877.593.994	40.556.786.406

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với mục đích thu lợi từ việc cho thuê mà không phải để chờ tăng giá hoặc sử dụng cho mục đích quản lý hoặc bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường.

Trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian trích khấu hao của quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc của bất động sản đầu tư như trình bày tại Thuyết minh số 3. Nếu thời gian phân bổ trước đây được áp dụng, chi phí phân bổ khấu hao trong năm 2017 sẽ tăng thêm với số tiền là 841.027.246 đồng.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành thuộc sở hữu Công ty trong Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Do dự án kéo dài và chậm triển khai theo kế hoạch đã đề ra nên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã thu hồi chủ trương đầu tư dự án khu Đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu đặt tại Phường 10 và Phường 11, Thành phố Vũng Tàu. Các chi phí trực tiếp liên quan đến các thửa đất của dự án được Công ty phân loại sang hàng hóa bất động sản nhằm mục đích bán. Trong năm, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng một số thửa đất thuộc dự án này. Các chi phí còn lại là các chi phí phát triển dự án phát sinh trong thời gian thực hiện dự án.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào công ty con (i)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	157.325.000.000	157.325.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	200.387.520.000	200.387.520.000
Đầu tư dài hạn khác (ii)		
Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(7.394.207.836)
	393.712.520.000	386.318.312.164

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Thành phố Hồ Chí Minh	89,90%	89,90%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	62,19%	62,19%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản

(i) Đầu tư công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

- a) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú đặt tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-DKMP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Chế biến Sản phẩm Nông nghiệp sẽ thoái hết phần vốn tỷ lệ 9,74% vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú cho Công ty sau khi thực hiện hoàn tất nghĩa vụ nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, việc thoái vốn vẫn chưa thực hiện.

- b) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200734936 cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại Số 67 Đường Mê Linh, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 315.425.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng, tương đương với 62,19% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 200.387.520.000 đồng).

Theo Nghị quyết số 953/NQ-XLDK ngày 27 tháng 12 năm 2013 và Nghị quyết số 926/NQ-XLDK ngày 07 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Hội đồng Quản trị PVC chấp thuận chủ trương chuyển nhượng phần vốn góp của PVC và các đơn vị của PVC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá chuyển nhượng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

Tại ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang cho Đất Xanh. Tại ngày 23 tháng 3 năm 2018, việc chuyển nhượng cổ phần nêu trên đã được hoàn tất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với số tiền là 7.394.207.836 đồng do Công ty đã thoái vốn thành công vào ngày 23 tháng 3 năm 2018 với giá trị thu hồi lớn hơn giá trị khoản đầu tư (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư với số tiền là 7.394.207.836 đồng).

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là tiền góp vốn hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng cho dự án nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp tại Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty theo hợp đồng là 25% (tương đương 36.000.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 36.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 36.000.000.000 đồng). Công ty không có ảnh hưởng đáng kể và đang có kế hoạch thoái vốn tại dự án này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc xác định không có các dấu hiệu cho thấy sự giảm giá của khoản đầu tư này. Vì vậy, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	6.847.190.140	4.789.994.471
PVC-Metal	4.545.924.790	6.411.204.025
PVC-SG	8.949.755.062	8.949.755.062
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim	19.752.310.000	-
Khác	5.193.006.978	5.401.419.510
	<u>45.288.186.970</u>	<u>25.552.373.068</u>

Số có khả năng trả nợ của các khoản phải trả người bán ngắn hạn bằng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/cần trừ/thu trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	200.772.148	5.438.468.445	5.639.240.593	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.157.964.145)	-	-	(7.157.964.145)
Thuế thu nhập cá nhân	569.170.388	1.321.174.052	2.057.530.506	(167.186.066)
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	(6.388.021.609)	6.762.642.497	7.699.771.099	(7.325.150.211)
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu Nhà nước	7.157.964.145			7.325.150.211
Thuế phải trả Nhà nước	<u>769.942.536</u>			<u>-</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trích trước dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	2.194.201.186	7.480.161.436
Chi phí trích trước dự án Petroland Quận 2	19.623.366.378	22.542.920.894
Chi phí lãi vay phải trả	134.442.151.114	89.590.981.242
Chi phí trích trước khác	5.402.337.999	7.331.207.411
	161.662.056.677	126.945.270.983
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	-	59.497.000.000
	<u>-</u>	<u>59.497.000.000</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Quỹ bảo trì dự án Petroland Quận 2	3.360.794.832	3.591.013.096
Quỹ bảo trì dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	11.242.187.470	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("PVC") (i)	30.617.999.227	60.627.232.227
Vũ Anh (ii)	158.268.480.000	48.995.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú (iii)	6.912.304.422	5.284.484.051
Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh - phạt chậm nộp thuế giá trị gia tăng	7.686.407.167	7.686.407.167
Cổ tức phải trả	2.287.437.630	2.314.037.630
Phải trả các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn	52.668.439	101.538.415
Phải trả do thanh lý hoặc hủy hợp đồng	10.123.799	10.880.645.026
Phải trả khác	6.066.503.270	4.923.202.997
	226.504.906.256	144.404.080.609
b. Dài hạn		
Quỹ bảo trì dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	-	8.780.034.665
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
	10.850.000.327	19.630.034.992

- (i) Số dư phải trả khác cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thể hiện khoản vay lại của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương ("OceanBank") (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương). Khoản vay này được cho Công ty dùng để mua lại 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với lãi suất 1%/năm và đã được thanh toán một phần trong năm.

- (ii) Các khoản phải trả Vũ Anh thể hiện khoản góp vốn bổ sung 147.494.400.000 đồng sẽ hoàn trả lại cho Vũ Anh sau khi trừ các khoản thanh toán bao gồm trong giá chuyển nhượng của Hợp đồng chuyển nhượng Petroland Thăng Long (xem Thuyết minh số 6) và giá chuyển nhượng cổ phần của Vũ Anh đã ủy quyền cho Công ty thu hộ từ Đất Xanh (xem Thuyết minh số 5).
- (iii) Các khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú chủ yếu là hỗ trợ vốn và các khoản chi hộ khác.

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện doanh thu nhận trước từ khách hàng theo hợp đồng cho thuê văn phòng số 31/2015/HĐ-Petroland ngày 08 tháng 8 năm 2015. Thời hạn thuê từ ngày 04 tháng 8 năm 2015 đến ngày 15 tháng 12 năm 2058.

19. VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	181.568.905.524	43.344.848.899	224.913.754.423		-	
Vay dài hạn	43.344.848.899	-	43.344.848.899		-	
	224.913.754.423	43.344.848.899	268.258.603.322		-	

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	-	181.568.905.524
Trong năm thứ hai	-	34.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	9.344.848.899
	-	224.913.754.423
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	-	(181.568.905.524)
Số phải trả sau 12 tháng	-	43.344.848.899

Vay thể hiện khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") theo Hợp đồng tín dụng ký với VietinBank Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01 Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/ năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 09.102035/2015-HĐTD-SDDBS07/NHCT900-Petroland ngày 05 tháng 01 năm 2015, khoản vay tại ngân hàng Vietinbank Hồ Chí Minh được điều chỉnh thời hạn trả nợ theo lịch trình đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã trả hết khoản vay tại ngân hàng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số 9, 10 và 11).

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Số lượng cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại	1.134.920	1.134.920
Số lượng cổ phần đang lưu hành	98.865.080	98.865.080

Vốn điều lệ

Tên cổ đông	Tại ngày cuối năm		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	36.014.630	36,01	360.146.300.000	360.146.300.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	5.500	0,01	55.000.000	55.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	47.954.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	461.200	0,46	4.612.000.000	4.612.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	2.348.200	2,35	23.482.000.000	23.482.000.000
Ông Đinh Việt Thanh	13.340.250	13,34	133.402.500.000	89.224.600.000
Các cổ đông khác	38.830.220	38,83	388.302.200.000	384.526.100.000
	100.000.000	100	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(168.455.362.231)	847.137.076.475
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.865.274.135	2.865.274.135
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(165.590.088.096)	850.002.350.610
Lỗi trong năm	-	-	-	(38.107.399.486)	(38.107.399.486)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(203.697.487.582)	811.894.951.124

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh và quản lý bất động sản. Đồng thời, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở trong lãnh thổ Việt Nam.

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	91.229.577.273	9.983.775.057
- Chuyển nhượng dự án Vũng Tàu	91.229.577.273	-
- Dự án chung cư Quận 2	-	9.983.775.057
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.027.438.907	35.916.881.996
	124.257.016.180	45.900.657.053

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	87.421.013.250	6.280.596.387
- Dự án Vũng Tàu	87.421.013.250	-
- Dự án chung cư Quận 2	-	6.280.596.387
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.375.806.670	28.762.144.615
	115.796.819.920	35.042.741.002

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.033.213.409	3.754.793.704
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	-	50.862.981.700
	2.033.213.409	54.617.775.404

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	8.584.318.113	30.604.952.754
Chi phí thanh lý khoản đầu tư	18.619.506.727	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(7.394.207.836)	(4.422.886.428)
	19.809.617.004	26.182.066.326

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí môi giới tư vấn bán hàng	7.080.000.000	8.850.000.000
Chi phí bán hàng khác	33.733.100	-
	7.113.733.100	8.850.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	12.398.188.345	14.874.747.663
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.264.736.645	3.355.742.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.679.012.354	3.737.084.466
Chi phí khác bằng tiền	8.062.172.360	8.392.146.578
	24.404.109.704	30.359.721.553

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Thu từ chi hộ tiền điện nước cho khách hàng	-	7.891.723.984
Thu nhập từ tiền phạt	144.187.707	961.935.977
Thu nhập khác	2.829.654.861	8.204.590.395
	2.973.842.568	17.058.250.356
Chi phí khác		
Chi hộ tiền điện nước cho khách hàng	-	9.062.201.523
Xóa khoản phải thu Công ty Cổ phần Dầu tư Dầu khí Thăng Long	-	5.069.752.847
Chi phí khác	247.191.915	144.925.427
	247.191.915	14.276.879.797
Lợi nhuận khác	2.726.650.653	2.781.370.559

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Giá vốn bất động sản	87.421.013.250	6.280.596.387
Chi phí nhân viên	13.058.566.453	23.394.512.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.842.359.131	3.598.282.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	<u>42.992.723.890</u>	<u>40.979.071.772</u>
	<u>147.314.662.724</u>	<u>74.252.462.555</u>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(38.107.399.486)	2.865.274.135
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	350.409.934	406.735.363
<i>Trừ: Lỗ kết chuyển</i>	-	3.272.009.498
Lỗ tính thuế	<u>(37.756.989.552)</u>	<u>-</u>
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế (năm 2016: 20%). Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập tính thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 199.694.114.384 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 161.937.124.832 đồng) sẽ bù trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng.

Lỗ tính thuế của Công ty được mang sang và sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

<u>Năm</u>	Các khoản lỗ tính thuế <u>VND</u>
2018	121.355.201.828
2020	40.581.923.004
2022	<u>37.756.989.552</u>
	<u>199.694.114.384</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch đáng kể giữa cơ sở kế toán của các khoản mục tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Khoản thuế đã trình bày trong báo cáo tài chính riêng chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>4.249.016.640</u>	<u>4.425.878.160</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.906.144.000	3.906.144.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.813.517.940	10.416.384.000
	13.719.661.940	14.322.528.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của PVC
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("PVC")	Công ty mẹ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>610.123.467</u>	<u>3.654.718.902</u>
Thu nhập từ cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>1.508.363.637</u>	<u>2.446.276.213</u>
Cho vay hỗ trợ vốn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	<u>-</u>	<u>800.000.000</u>
Chuyển tiền hỗ trợ vốn theo ủy quyền		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>4.000.000.000</u>	<u>1.528.881.523</u>
Thu nhập từ lãi cho vay hỗ trợ vốn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>78.333.333</u>	<u>26.200.000</u>
Lương và thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thu nhập	<u>1.525.517.402</u>	<u>1.832.705.686</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.991.026.528	4.991.026.528
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>18.444.623.130</u>	<u>7.970.856.533</u>



	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Các khoản phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	17.498.394	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>2.078.333.333</u>	<u>-</u>
Các khoản phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>-</u>	<u>2.315.478.000</u>
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	30.587.520.000	60.627.232.227
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.850.000.327	10.850.000.327
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	9.316.961.115	5.284.484.051
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	<u>-</u>	<u>3.543.000</u>
Các khoản ứng trước nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>-</u>	<u>1.371.157.081</u>
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	12.914.510.300	35.479.068.407
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>899.971.552</u>	<u>899.971.552</u>

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 134.442.151.114 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 149.087.981.242 đồng) là chi phí lãi vay phát sinh phải trả cho ngân hàng và các bên cho vay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tài sản cố định trong năm tăng từ điều chỉnh quyết toán công trình, tăng do trích phí bảo trì và phân loại lại từ hàng hóa bất động sản. Đây là các giao dịch phi tiền tệ, vì vậy, không thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm số tiền 47.272.960.000 đồng là số tiền chưa thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi tiền cho vay trong năm không bao gồm số tiền 1.669.742.715 đồng, là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Đinh Thị Mỹ Linh
Người lập biểu/Quyền Kế toán trưởng



Bùi Minh Chính
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018